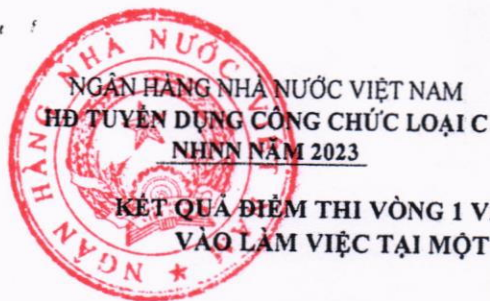




**KẾT QUẢ ĐIỂM THI VÒNG 1 VÀ LỊCH PHÒNG VẤN VÒNG 2 KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C
VÀO LÀM VIỆC TẠI MỘT SỐ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ
KHU VỰC TÂY NAM BỘ NĂM 2023**

Ghi chú:

Số câu hỏi phần thi Kiến thức chung là 60 câu; Số câu hỏi phần thi Tiếng Anh là 30 câu. Kết quả thi Vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi nói trên, thí sinh nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi tại Vòng 1 được thi tiếp Vòng 2. Theo đó, thí sinh có số câu trả lời đúng từ 30 câu trở lên đối với phần thi Kiến thức chung và từ 15 câu trở lên đối với phần thi Tiếng Anh sẽ tiếp tục dự thi Vòng 2 - Phòng vấn

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Ghi chú
							Kiến thức chung	Tiếng Anh		
NHNN CHI NHÁNH AN GIANG: 03 chỉ tiêu CV TTGSNH										
Bàn phỏng vấn 2 - Từ 13h00 Thứ Bảy, ngày 06/01/2024										
1	TTGS4003	Võ Phạm Ngọc Hiền		30-07-1980	CN An Giang	CV TTGSNH	36/60	25/30	Đạt	
2	TTGS4004	Hồ Đăng Hiền	12-01-1989		CN An Giang	CV TTGSNH	44/60	27/30	Đạt	
3	TTGS4005	Nguyễn Thanh Lâm	09-03-1986		CN An Giang	CV TTGSNH	35/60	16/30	Đạt	
4	TTGS4012	Võ Thị Bé Năm		07-01-1994	CN An Giang	CV TTGSNH	44/60	28/30	Đạt	
5	TTGS4014	Lê Thái Y Ngọc		28-10-1993	CN An Giang	CV TTGSNH	42/60	21/30	Đạt	
6	TTGS4015	Lưu Minh Ngọc	11-03-1990		CN An Giang	CV TTGSNH	43/60	22/30	Đạt	
7	TTGS4016	Nguyễn Thanh Nhà	09-06-1999		CN An Giang	CV TTGSNH	43/60	29/30	Đạt	
8	TTGS4017	Nguyễn Ngọc Nhi		24-11-2000	CN An Giang	CV TTGSNH	32/60	23/30	Đạt	
9	TTGS4020	Phạm Phương Nhi		11-06-1999	CN An Giang	CV TTGSNH	36/60	18/30	Đạt	
10	TTGS4021	Phạm Thanh Phong	17-09-1989		CN An Giang	CV TTGSNH	45/60	22/30	Đạt	
11	TTGS4025	Thái Thị Yến Phượng		07-11-1997	CN An Giang	CV TTGSNH	34/60	28/30	Đạt	
12	TTGS4026	Trần Phạm Quang	01-01-1990		CN An Giang	CV TTGSNH	34/60	25/30	Đạt	
13	TTGS4027	Nguyễn Tấn Quý	30-12-1996		CN An Giang	CV TTGSNH	43/60	24/30	Đạt	
14	TTGS4028	Trương Xuân Khánh Quynh		06-08-1986	CN An Giang	CV TTGSNH	38/60	20/30	Đạt	
15	TTGS4030	Lê Minh Trí Thành	21-09-1994		CN An Giang	CV TTGSNH	37/60	22/30	Đạt	
16	TTGS4031	Đặng Thị Phương Thảo		27-05-1995	CN An Giang	CV TTGSNH	44/60	19/30	Đạt	
17	TTGS4032	Nguyễn Đình Anh Thi		16-12-1990	CN An Giang	CV TTGSNH	35/60	16/30	Đạt	
18	TTGS4033	Lưu Hải Thông	25-08-1996		CN An Giang	CV TTGSNH	44/60	21/30	Đạt	
19	TTGS4034	Nguyễn Thị Mỹ Thu		03-08-1995	CN An Giang	CV TTGSNH	34/60	22/30	Đạt	
20	TTGS4035	Ngô Thị Anh Thu		07-01-1990	CN An Giang	CV TTGSNH	43/60	24/30	Đạt	
21	TTGS4036	Ngô Bạch Thủy		06-10-1986	CN An Giang	CV TTGSNH	32/60	18/30	Đạt	
22	TTGS4038	Nguyễn Đức Tiến	19-10-1989		CN An Giang	CV TTGSNH	43/60	22/30	Đạt	
23	TTGS4043	Nguyễn Đoàn Trang		11-03-1993	CN An Giang	CV TTGSNH	45/60	27/30	Đạt	
24	TTGS4044	Võ Thị Ái Trinh		20-03-1986	CN An Giang	CV TTGSNH	41/60	20/30	Đạt	
25	TTGS4047	Phạm Kim Tuyền		28-05-2000	CN An Giang	CV TTGSNH	40/60	21/30	Đạt	
26	TTGS4050	Lê Quang Vinh	24-01-1995		CN An Giang	CV TTGSNH	41/60	18/30	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Ghi chú
							Kiến thức chung	Tiếng Anh		
		Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2								
27	TTGS4006	Nguyễn Thị Tuyết Lan		26-08-1994	CN An Giang	CV TTGSNH	35/60	13/30	Không đạt	
28	TTGS4007	Đặng Thị Trúc Linh		22-11-1994	CN An Giang	CV TTGSNH	27/60	0/30	Không đạt	
29	TTGS4011	Nguyễn Thị Cẩm Ly		05-12-2001	CN An Giang	CV TTGSNH	28/60	12/30	Không đạt	
30	TTGS4013	Lê Thị Kim Ngân		11-07-2001	CN An Giang	CV TTGSNH	23/60	15/30	Không đạt	
31	TTGS4019	Nguyễn Thị Thảo Nhi		24-04-2001	CN An Giang	CV TTGSNH	32/60	8/30	Không đạt	
32	TTGS4029	Nguyễn Thành Thắng	09-09-1992		CN An Giang	CV TTGSNH	27/60	11/30	Không đạt	
33	TTGS4046	Nguyễn Thanh Tuấn	08-04-1990		CN An Giang	CV TTGSNH	38/60	14/30	Không đạt	
34	TTGS4048	Cao Thị Ngọc Vân		12-08-1987	CN An Giang	CV TTGSNH	28/60	24/30	Không đạt	
35	TTGS4051	Trần Thị Thảo Vy		08-05-1994	CN An Giang	CV TTGSNH	29/60	21/30	Không đạt	
36	TTGS4052	Nguyễn Thị Mỹ Xuyên		06-09-1988	CN An Giang	CV TTGSNH	23/60	11/30	Không đạt	
37	TTGS4053	Lê Thị Kim Yến		09-12-1993	CN An Giang	CV TTGSNH	26/60	14/30	Không đạt	
38	TTGS4001	Khuu Bình Bông	09-09-1988		CN An Giang	CV TTGSNH			Vắng	
39	TTGS4002	Đặng Công Đến	12-04-1992		CN An Giang	CV TTGSNH			Vắng	
40	TTGS4008	Mai Thị Trúc Linh		03-08-1998	CN An Giang	CV TTGSNH			Vắng	
41	TTGS4009	Nguyễn Thanh Long	22-12-1994		CN An Giang	CV TTGSNH			Vắng	
42	TTGS4010	Nguyễn Văn Luân	14-07-1991		CN An Giang	CV TTGSNH			Vắng	
43	TTGS4018	Nguyễn Thị Thảo Nhi		29-04-1999	CN An Giang	CV TTGSNH			Vắng	
44	TTGS4022	Lâm Dương Thiện Phúc	17-03-1998		CN An Giang	CV TTGSNH			Vắng	
45	TTGS4023	Huỳnh Như Phụng		21-11-2001	CN An Giang	CV TTGSNH			Vắng	
46	TTGS4024	Phan Thảo Phương		07-10-1996	CN An Giang	CV TTGSNH			Vắng	
47	TTGS4037	Nguyễn Thị Cẩm Tiên		19-04-1995	CN An Giang	CV TTGSNH			Vắng	
48	TTGS4039	Đoàn Nguyễn Đức Tín	31-10-1997		CN An Giang	CV TTGSNH			Vắng	
49	TTGS4040	Hồ Hữu Tín	17-08-1994		CN An Giang	CV TTGSNH			Vắng	
50	TTGS4041	Nguyễn Phước Toàn	09-02-2001		CN An Giang	CV TTGSNH			Vắng	
51	TTGS4042	Trần Huỳnh Ngọc Trâm		29-07-1989	CN An Giang	CV TTGSNH			Vắng	
52	TTGS4045	Nguyễn Lâm Cẩm Tú		28-11-1998	CN An Giang	CV TTGSNH			Vắng	
53	TTGS4049	Lê Thị Vân		20-01-1992	CN An Giang	CV TTGSNH			Vắng	
		NHNN CHI NHÁNH CÀ MAU: 01 chỉ tiêu CV TTGSNH								
		Bàn phỏng vấn 1 - Từ 13h00 Thứ Bảy, ngày 06/01/2024								
1	TTGS4056	Trang Thành Công	25-03-2000		CN Cà Mau	CV TTGSNH	37/60	18/30	Đạt	
2	TTGS4057	Phạm Cẩm Đan		26-8-1990	CN Cà Mau	CV TTGSNH	40/60	19/30	Đạt	
3	TTGS4059	Đinh Thanh Hà		13-02-1991	CN Cà Mau	CV TTGSNH	31/60	19/30	Đạt	
4	TTGS4062	Phù Quốc Hiệp	22-06-1994		CN Cà Mau	CV TTGSNH	47/60	22/30	Đạt	
5	TTGS4064	Phan Nguyễn Phương Lam		04-8-1998	CN Cà Mau	CV TTGSNH	30/60	27/30	Đạt	
6	TTGS4067	Trịnh Hồ Vũ Ngân	16-9-1998		CN Cà Mau	CV TTGSNH	39/60	25/30	Đạt	
7	TTGS4070	Lê Trần Phương Quyên		02-02-1992	CN Cà Mau	CV TTGSNH	38/60	22/30	Đạt	
8	TTGS4072	Võ Nhật Hoài Thương		15-08-1993	CN Cà Mau	CV TTGSNH	36/60	17/30	Đạt	
9	TTGS4073	Nguyễn Kiều Trang		15-4-1987	CN Cà Mau	CV TTGSNH	35/60	20/30	Đạt	
10	TTGS4074	Phí Mỹ Trinh		25-02-1990	CN Cà Mau	CV TTGSNH	39/60	23/30	Đạt	
11	TTGS4075	Nguyễn Trí Tuệ	14-8-1990		CN Cà Mau	CV TTGSNH	37/60	18/30	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Tiếng Anh		
		Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2									
12	TTGS4058	Dương Mỹ	Diện		07-4-2001	CN Cà Mau	CV TTGSNH	24/60	13/30	Không đạt	
13	TTGS4060	Mai Văn	Hai	08-08-1985		CN Cà Mau	CV TTGSNH	25/60	7/30	Không đạt	
14	TTGS4065	Nguyễn Thị Mỹ	Linh		13-12-1994	CN Cà Mau	CV TTGSNH	30/60	13/30	Không đạt	
15	TTGS4066	Lê Bảo	Long	29-7-1999		CN Cà Mau	CV TTGSNH	20/60	11/30	Không đạt	
16	TTGS4054	Nguyễn Trần Văn	Anh		12-04-2001	CN Cà Mau	CV TTGSNH			Vắng	
17	TTGS4055	Nguyễn Thị Bích	Chiều		03-02-1986	CN Cà Mau	CV TTGSNH			Vắng	
18	TTGS4061	Nguyễn Thu	Hân		25-08-1998	CN Cà Mau	CV TTGSNH			Vắng	
19	TTGS4063	Nguyễn Hoàng	Huy	04-8-2000		CN Cà Mau	CV TTGSNH			Vắng	
20	TTGS4068	Nguyễn Mộng	Ngọc		09-06-2000	CN Cà Mau	CV TTGSNH			Vắng	
21	TTGS4069	Võ Yến	Nhi		11-09-2001	CN Cà Mau	CV TTGSNH			Vắng	
22	TTGS4071	Bùi Quốc	Thảo	10-11-2001		CN Cà Mau	CV TTGSNH			Vắng	
		NHNN CHI NHÁNH TP. CẦN THƠ: 02 chỉ tiêu CV TTGSNH									
		Bàn phỏng vấn 2 - Từ 13h00 Chủ Nhật, ngày 07/01/2024									
1	TTGS4076	Phan Thị Mỹ	Ái		04-09-2001	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	30/60	22/30	Đạt	
2	TTGS4079	Nguyễn Tuấn	Anh	19-10-1998		CN Cần Thơ	CV TTGSNH	30/60	23/30	Đạt	
3	TTGS4080	Tào Nhi	Anh		31-12-1993	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	38/60	20/30	Đạt	
4	TTGS4081	Ngô Mạnh	Cường	25-11-1990		CN Cần Thơ	CV TTGSNH	36/60	28/30	Đạt	
5	TTGS4082	Lý Vĩ	Dân	10-11-2000		CN Cần Thơ	CV TTGSNH	33/60	29/30	Đạt	
6	TTGS4084	Huỳnh Phương	Dung		15-08-1989	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	32/60	20/30	Đạt	
7	TTGS4086	Đặng Hồng	Hạnh		26-06-1998	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	37/60	29/30	Đạt	
8	TTGS4088	Lê Hữu	Hưng	19-09-1988		CN Cần Thơ	CV TTGSNH	32/60	16/30	Đạt	
9	TTGS4089	Nguyễn Hiếu	Kiên	27-07-1991		CN Cần Thơ	CV TTGSNH	40/60	22/30	Đạt	
10	TTGS4090	Huỳnh Ái	Linh		09-05-1999	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	34/60	19/30	Đạt	
11	TTGS4093	Trần Thị Hồng	My		10-02-1992	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	33/60	18/30	Đạt	
12	TTGS4096	Nguyễn Thị	Nga		17-04-1997	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	33/60	18/30	Đạt	
13	TTGS4097	Nguyễn Thanh	Nghị	26-05-1995		CN Cần Thơ	CV TTGSNH	46/60	23/30	Đạt	
		Bàn phỏng vấn 2 - Từ 15h00 Chủ Nhật, ngày 07/01/2024									
14	TTGS4100	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		20-11-1992	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	35/60	18/30	Đạt	
15	TTGS4104	Trần Huỳnh	Nhi		05-05-1999	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	36/60	23/30	Đạt	
16	TTGS4105	Nguyễn Thị Trúc	Phương		10-11-1985	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	31/60	15/30	Đạt	
17	TTGS4109	Bùi Thu	Thảo		15-7-1992	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	38/60	23/30	Đạt	
18	TTGS4110	Dương Đình	Thị		02-10-1988	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	34/60	Miễn	Đạt	
19	TTGS4119	Lê Hữu	Trần	02-01-1991		CN Cần Thơ	CV TTGSNH	36/60	18/30	Đạt	
20	TTGS4120	Mã Lê Diễm	Trang		01-01-1989	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	37/60	27/30	Đạt	
21	TTGS4121	Trần Thị Thuý	Trang		02-02-1997	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	33/60	15/30	Đạt	
22	TTGS4124	Mai	Trúc		17-03-1996	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	33/60	21/30	Đạt	
23	TTGS4125	Trần Nhật	Trường	09-5-1991		CN Cần Thơ	CV TTGSNH	39/60	22/30	Đạt	
24	TTGS4128	Nguyễn Thành	Vương	29-10-1999		CN Cần Thơ	CV TTGSNH	35/60	26/30	Đạt	
25	TTGS4129	Lê Thị Hà	Xuyến		22-10-1997	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	33/60	20/30	Đạt	
26	TTGS4130	Nguyễn Thị Bảo	Yến		02-12-1986	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	34/60	16/30	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Tiếng Anh		
		Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2									
27	TTGS4085	Lê Thị Kim	Duyên		23-04-2000	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	42/60	9/30	Không đạt	
28	TTGS4087	Đỗ Huỳnh Linh	Huệ		13-10-1988	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	27/60	0/30	Không đạt	
29	TTGS4094	Nguyễn Thị Kim	Mỹ		01-01-1991	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	29/60	Miễn	Không đạt	
30	TTGS4098	Trang Hữu	Nghĩa	12-12-1989		CN Cần Thơ	CV TTGSNH	32/60	11/30	Không đạt	
31	TTGS4101	Huỳnh Thị Thiên	Nhi		23-12-2000	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	24/60	18/30	Không đạt	
32	TTGS4103	Nguyễn Thị Uyên	Nhi		24-10-2001	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	32/60	12/30	Không đạt	
33	TTGS4107	Nguyễn Hồng	Thắm		22-06-1983	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	29/60	16/30	Không đạt	
34	TTGS4108	Nguyễn Thị Mai	Thanh		03-08-1990	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	27/60	10/30	Không đạt	
35	TTGS4111	Trần Ngọc Thy	Thơ		10-01-1998	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	28/60	12/30	Không đạt	
36	TTGS4112	Lư Kim	Thoa		02-09-1995	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	20/60	14/30	Không đạt	
37	TTGS4113	Lê Phan Anh	Thư		03-06-1999	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	29/60	22/30	Không đạt	
38	TTGS4115	Trần Anh	Thư		27-10-2001	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	27/60	15/30	Không đạt	
39	TTGS4117	Lê Ngọc	Thùy		16-10-1995	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	28/60	22/30	Không đạt	
40	TTGS4123	Trần Thị Mỹ	Trình		20-03-1989	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	29/60	15/30	Không đạt	
41	TTGS4127	Phan Thị Thanh	Tuyền		28-01-1989	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	34/60	8/30	Không đạt	
42	TTGS4131	Tường Thị	Yến		08-07-1982	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	27/60	0/30	Không đạt	
43	TTGS4077	Võ Tú	Ái		29-10-1995	CN Cần Thơ	CV TTGSNH			Vắng	
44	TTGS4078	Nguyễn Trần Lan	Anh		12-04-2001	CN Cần Thơ	CV TTGSNH			Vắng	
45	TTGS4083	Đinh Nguyễn Ngọc	Diệp		10-02-1996	CN Cần Thơ	CV TTGSNH			Vắng	
46	TTGS4091	Mai Vũ	Linh		31-03-1990	CN Cần Thơ	CV TTGSNH			Vắng	
47	TTGS4092	Dương Ngọc	Minh		21-12-1992	CN Cần Thơ	CV TTGSNH			Vắng	
48	TTGS4095	Đặng Trần Xuân	Nam	03-07-1991		CN Cần Thơ	CV TTGSNH			Vắng	
49	TTGS4099	Chung Bội	Ngọc		12-10-1994	CN Cần Thơ	CV TTGSNH			Vắng	
50	TTGS4102	Lâm Yến	Nhi		01-02-1995	CN Cần Thơ	CV TTGSNH			Vắng	
51	TTGS4106	Phạm Thanh	Son	23-09-1993		CN Cần Thơ	CV TTGSNH			Vắng	
52	TTGS4114	Phạm Anh	Thư		03-10-1998	CN Cần Thơ	CV TTGSNH			Vắng	
53	TTGS4116	Đoàn Mỹ	Thuận		25-09-2000	CN Cần Thơ	CV TTGSNH			Vắng	
54	TTGS4118	Lê Thị Huyền	Trâm		05-07-1990	CN Cần Thơ	CV TTGSNH			Vắng	
55	TTGS4122	Lê Thiện	Trí	13-06-1991		CN Cần Thơ	CV TTGSNH			Vắng	
56	TTGS4126	Phan Văn	Tuấn	23-07-1984		CN Cần Thơ	CV TTGSNH			Vắng	
		NHNN CHI NHÁNH ĐỒNG THÁP; 03 chỉ tiêu CV TTGSNH									
		Bàn phỏng vấn 1 - Từ 07h00 Chủ Nhật, ngày 07/01/2024									
1	TTGS4132	Lâm Vĩnh	Ái		13-01-1998	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	37/60	23/30	Đạt	
2	TTGS4134	Nguyễn Thiên	Bảo	05-02-1996		CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	30/60	29/30	Đạt	
3	TTGS4136	Lê Thị Bảo	Châu		30-08-2000	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	41/60	23/30	Đạt	
4	TTGS4141	Lê Thị Hồng	Hạnh		20-11-2000	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	41/60	25/30	Đạt	
5	TTGS4142	Trần Thị	Hậu		16-12-1990	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	34/60	19/30	Đạt	
6	TTGS4146	Phạm Duy	Khương	22-01-2001		CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	41/60	21/30	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Tiếng Anh		
7	TTGS4149	Trần Lê Nhật	Linh		02-06-1990	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	38/60	24/30	Đạt	
8	TTGS4150	Lê Thị Cẩm	Loan		20-12-2000	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	34/60	18/30	Đạt	
9	TTGS4152	Nguyễn Văn	Lý	26-07-1989		CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	40/60	17/30	Đạt	
10	TTGS4153	Phạm Thị Nhựt	Mai		04-08-2000	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	30/60	19/30	Đạt	
11	TTGS4155	Nguyễn Phạm Ngọc	Minh		27-01-1999	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	33/60	27/30	Đạt	
12	TTGS4157	Lương Thị Ngọc	Mỹ		20-05-1998	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	39/60	18/30	Đạt	
Bàn phỏng vấn 1 - Từ 09h00 Chủ Nhật, ngày 07/01/2024											
13	TTGS4164	Phan Bảo	Ngọc		23-06-2001	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	30/60	17/30	Đạt	
14	TTGS4165	Cao Xuân Ý	Nhi		21-12-1994	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	44/60	24/30	Đạt	
15	TTGS4168	Nguyễn Hữu	Phúc	26-09-1998		CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	35/60	18/30	Đạt	
16	TTGS4170	Nguyễn Thị Kiều	Phương		09-05-2001	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	34/60	22/30	Đạt	
17	TTGS4174	Trần Yến	Sơn		13-11-1992	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	36/60	27/30	Đạt	
18	TTGS4176	Nguyễn Thiên	Thanh		17-12-1991	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	30/60	20/30	Đạt	
19	TTGS4180	Trần Phương	Thảo		02-11-1993	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	42/60	27/30	Đạt	
20	TTGS4186	Trịnh Quang	Tín	12-01-1993		CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	35/60	22/30	Đạt	
21	TTGS4188	Trần Thị Thu	Trang		20-10-1993	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	34/60	21/30	Đạt	
22	TTGS4192	Nguyễn Thanh	Vy		10-06-1985	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	42/60	24/30	Đạt	
23	TTGS4193	Trịnh Thị Thúy	Vy		08-01-2001	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	30/60	17/30	Đạt	
24	TTGS4195	Phan Thị Xuân	Yến		15-04-1991	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	30/60	17/30	Đạt	
Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2											
25	TTGS4135	Nguyễn Thị Sơn	Bình		19-02-1992	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	27/60	0/30	Không đạt	
26	TTGS4137	Lê Hồng	Danh	17-07-1998		CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	25/60	19/30	Không đạt	
27	TTGS4144	Nguyễn Phát	Hung	20-03-1991		CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	29/60	0/30	Không đạt	
28	TTGS4154	Lê Duy	Minh	24-10-1995		CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	28/60	26/30	Không đạt	
29	TTGS4156	Đoàn Thị Diễm	My		07-08-1994	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	24/60	25/30	Không đạt	
30	TTGS4158	Phan Thị Thái	Mỹ		25-04-2001	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	32/60	11/30	Không đạt	
31	TTGS4159	Phạm Thị Diệu	Mỹ		19-10-2001	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	15/60	0/30	Không đạt	
32	TTGS4162	Nguyễn Thị Lệ	Ngân		12-03-1991	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	29/60	0/30	Không đạt	
33	TTGS4166	Trần Nam	Nhi	28-09-1998		CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	36/60	14/30	Không đạt	
34	TTGS4169	Võ Hữu	Phúc	15-04-1994		CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	28/60	18/30	Không đạt	
35	TTGS4171	Võ Hoài	Phương		16-06-1999	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	27/60	21/30	Không đạt	
36	TTGS4173	Trần Đức	Sơn	19-06-1990		CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	27/60	27/30	Không đạt	
37	TTGS4175	Mai Thành	Sự	26-11-1997		CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	35/60	12/30	Không đạt	
38	TTGS4179	Nguyễn Ngọc Thanh	Thảo		25-11-1999	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	42/60	13/30	Không đạt	
39	TTGS4181	Tổng Thành	Thế	09-10-1996		CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	26/60	0/30	Không đạt	
40	TTGS4185	Nguyễn Phước	Thuận	09-04-2000		CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	27/60	0/30	Không đạt	
41	TTGS4189	Nguyễn Minh	Trung	01-03-1986		CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	25/60	0/30	Không đạt	
42	TTGS4190	Lê Thị Hồng	Tươi		24-10-1993	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	27/60	0/30	Không đạt	
43	TTGS4191	Phạm Xuân	Vũ	04-06-1990		CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	30/60	11/30	Không đạt	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Tiếng Anh		
44	TTGS4194	Huỳnh Thị Ngọc	Yên		08-09-1999	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH	20/60	0/30	Không đạt	
45	TTGS4133	Huỳnh Trương Thủy	An		12-11-1994	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH			Vắng	
46	TTGS4138	Nguyễn Hữu	Đức	13-04-2001		CN Đồng Tháp	CV TTGSNH			Vắng	
47	TTGS4139	Nguyễn Thị Thùy	Dung		25-06-1997	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH			Vắng	
48	TTGS4140	Trương Hoàng	Giúp	16-04-1989		CN Đồng Tháp	CV TTGSNH			Vắng	
49	TTGS4143	Lê Trung	Hiếu	14-04-1990		CN Đồng Tháp	CV TTGSNH			Vắng	
50	TTGS4145	Trương Huỳnh	Hương		10-12-2000	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH			Vắng	
51	TTGS4147	Đinh Trường	Kiên	09-02-2001		CN Đồng Tháp	CV TTGSNH			Vắng	
52	TTGS4148	Lê Thị Mỹ	Linh		07-02-2001	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH			Vắng	
53	TTGS4151	Nguyễn Kinh	Luân	15-06-1998		CN Đồng Tháp	CV TTGSNH			Vắng	
54	TTGS4160	Lê Kim	Ngân		17-12-1998	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH			Vắng	
55	TTGS4161	Nguyễn Thị Kiều	Ngân		03-12-1999	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH			Vắng	
56	TTGS4163	Nguyễn Thị Thanh	Ngân		30-11-1999	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH			Vắng	
57	TTGS4167	Phạm Thị	Nhi		15-06-1997	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH			Vắng	
58	TTGS4172	Nguyễn Đặng Thảo	Quyên		07-01-2001	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH			Vắng	
59	TTGS4177	Lê Mai	Thảo		14-04-1999	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH			Vắng	
60	TTGS4178	Lê Thị Thiên	Thảo		15-08-1996	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH			Vắng	
61	TTGS4182	Huỳnh Thị Cẩm	Thi		25-04-2001	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH			Vắng	
62	TTGS4183	Nguyễn Phương	Thư		04-01-1997	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH			Vắng	
63	TTGS4184	Nguyễn Thị Anh	Thư		03-11-2000	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH			Vắng	
64	TTGS4187	Bùi Thị Thùy	Trang		28-04-1991	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH			Vắng	
NHNN CHI NHÁNH HẬU GIANG: 01 chỉ tiêu CV TTGSNH											
Bản phỏng vấn 2 - Từ 07h00 Chủ Nhật, ngày 07/01/2024											
1	TTGS4198	Danh Ngọc	Diễm		30-12-1998	CN Hậu Giang	CV TTGSNH	37/60	17/30	Đạt	
2	TTGS4200	Ngô Gia	Học	26-9-1991		CN Hậu Giang	CV TTGSNH	40/60	16/30	Đạt	
3	TTGS4202	Nguyễn Thủy	Kiều		5-1-1993	CN Hậu Giang	CV TTGSNH	37/60	16/30	Đạt	
4	TTGS4203	Trần Thị Diễm	Kiều		12-7-1993	CN Hậu Giang	CV TTGSNH	36/60	23/30	Đạt	
5	TTGS4209	Tổng Thủy	Phương		9-3-1994	CN Hậu Giang	CV TTGSNH	32/60	19/30	Đạt	
Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2											
6	TTGS4196	Ngô Thị Thanh	Ái		07-7-1987	CN Hậu Giang	CV TTGSNH	30/60	12/30	Không đạt	
7	TTGS4197	Dương Ngọc	Án	09-02-1988		CN Hậu Giang	CV TTGSNH	32/60	11/30	Không đạt	
8	TTGS4201	Nguyễn Thị Bé	Huyền		2-9-1990	CN Hậu Giang	CV TTGSNH	28/60	0/30	Không đạt	
9	TTGS4204	Huỳnh Gia	Linh		22-3-2001	CN Hậu Giang	CV TTGSNH	28/60	27/30	Không đạt	
10	TTGS4206	Nguyễn Ngọc Ái	Nhi		29-01-2001	CN Hậu Giang	CV TTGSNH	25/60	14/30	Không đạt	
11	TTGS4207	Nguyễn Thị Yến	Nhi		13-6-2000	CN Hậu Giang	CV TTGSNH	28/60	12/30	Không đạt	
12	TTGS4210	Nguyễn Ngọc	Tài	16-9-1991		CN Hậu Giang	CV TTGSNH	28/60	11/30	Không đạt	
13	TTGS4213	Ngô Minh	Thiện	19-6-1993		CN Hậu Giang	CV TTGSNH	33/60	12/30	Không đạt	
14	TTGS4199	Huỳnh Thị Hồng	Gấm		16-7-2000	CN Hậu Giang	CV TTGSNH			Vắng	
15	TTGS4205	Lưu Phương	Nhi		16-4-1992	CN Hậu Giang	CV TTGSNH			Vắng	
16	TTGS4208	Trần Viên Ngọc	Như		1-1-2001	CN Hậu Giang	CV TTGSNH			Vắng	
17	TTGS4211	Mai Hoàng	Thành	24-11-1993		CN Hậu Giang	CV TTGSNH			Vắng	
18	TTGS4212	Trần Tấn	Thành	17-4-2000		CN Hậu Giang	CV TTGSNH			Vắng	
19	TTGS4214	Trần Thủ	Trí	10-9-1986		CN Hậu Giang	CV TTGSNH			Vắng	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Tiếng Anh		
NHNN CHI NHÁNH KIÊN GIANG: 02 chỉ tiêu CV TTGSNH											
Bàn phỏng vấn 2 - Từ 07h30 Chủ Nhật, ngày 07/01/2024											
1	TTGS4215	Nguyễn Thị Kim	Anh		20/01/1990	CN Kiên Giang	CV TTGSNH	30/60	16/30	Đạt	
2	TTGS4217	Nguyễn Thanh	Bình	15/10/1993		CN Kiên Giang	CV TTGSNH	39/60	22/30	Đạt	
3	TTGS4226	Văn Thị Ngọc	Hạnh		09/06/1989	CN Kiên Giang	CV TTGSNH	38/60	24/30	Đạt	
4	TTGS4227	Trần Hà Đức	Hiển	22/8/2001		CN Kiên Giang	CV TTGSNH	31/60	19/30	Đạt	
5	TTGS4232	Nguyễn Thanh	Huy	21/9/1999		CN Kiên Giang	CV TTGSNH	33/60	21/30	Đạt	
6	TTGS4233	Lưu Phương	Huyền		03/04/1993	CN Kiên Giang	CV TTGSNH	38/60	20/30	Đạt	
7	TTGS4240	Bùi Thúy	Nga		03/06/1993	CN Kiên Giang	CV TTGSNH	36/60	20/30	Đạt	
8	TTGS4241	Nguyễn Kim	Ngân		15/06/1992	CN Kiên Giang	CV TTGSNH	40/60	20/30	Đạt	
Bàn phỏng vấn 2 - Từ 08h30 Chủ Nhật, ngày 07/01/2024											
9	TTGS4242	Nguyễn Thị Kim	Nguyễn		20/11/1994	CN Kiên Giang	CV TTGSNH	32/60	18/30	Đạt	
10	TTGS4244	Phạm Quỳnh	Như		18/12/1997	CN Kiên Giang	CV TTGSNH	40/60	18/30	Đạt	
11	TTGS4245	Tạ Hồng	Nhung		26/08/1994	CN Kiên Giang	CV TTGSNH	37/60	20/30	Đạt	
12	TTGS4246	Trần Thị Ngọc	Nhung		07/08/1987	CN Kiên Giang	CV TTGSNH	33/60	19/30	Đạt	
13	TTGS4248	Hoàng Thị Hồng	Phúc		03/02/1987	CN Kiên Giang	CV TTGSNH	31/60	22/30	Đạt	
14	TTGS4251	Trần Thị Kim	Thắng		10/05/1988	CN Kiên Giang	CV TTGSNH	39/60	20/30	Đạt	
15	TTGS4256	Bùi Thị Thúy	Yên		25/06/1992	CN Kiên Giang	CV TTGSNH	37/60	15/30	Đạt	
Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2											
16	TTGS4216	Phạm Thị Mỹ	Anh		07/11/1998	CN Kiên Giang	CV TTGSNH	28/60	21/30	Không đạt	
17	TTGS4219	Lê Quang	Định	19/09/1995		CN Kiên Giang	CV TTGSNH	20/60	13/30	Không đạt	
18	TTGS4222	Trần Bích	Giang		28/04/1990	CN Kiên Giang	CV TTGSNH	29/60	Miễn	Không đạt	
19	TTGS4225	Nguyễn Ngọc	Hạnh	09/03/1990		CN Kiên Giang	CV TTGSNH	34/60	5/30	Không đạt	
20	TTGS4230	Đinh Thị Trúc	Hương		09/01/1993	CN Kiên Giang	CV TTGSNH	32/60	13/30	Không đạt	
21	TTGS4231	Nguyễn Diễm	Hương		28/05/1995	CN Kiên Giang	CV TTGSNH	25/60	0/30	Không đạt	
22	TTGS4235	Đào Duy	Khánh	22/08/1993		CN Kiên Giang	CV TTGSNH	26/60	0/30	Không đạt	
23	TTGS4238	Trần Đình Hương	Mai		29/09/2002	CN Kiên Giang	CV TTGSNH	28/60	26/30	Không đạt	
24	TTGS4243	Lâm Hoàng	Nhi	13/11/1989		CN Kiên Giang	CV TTGSNH	24/60	7/30	Không đạt	
25	TTGS4247	Nguyễn Thị Yến	Oanh		04/05/2001	CN Kiên Giang	CV TTGSNH	28/60	12/30	Không đạt	
26	TTGS4249	Hồ Thị Mộng	Quỳnh		19/08/1999	CN Kiên Giang	CV TTGSNH	36/60	14/30	Không đạt	
27	TTGS4254	Lữ Anh	Văn	25/09/1988		CN Kiên Giang	CV TTGSNH	22/60	4/30	Không đạt	
28	TTGS4255	Trần Phú	Xuân	15/02/1987		CN Kiên Giang	CV TTGSNH	32/60	13/30	Không đạt	
29	TTGS4218	Quách Hữu	Bình	09/09/1990		CN Kiên Giang	CV TTGSNH			Vắng	
30	TTGS4220	Võ Đình	Duy	30/10/1994		CN Kiên Giang	CV TTGSNH			Vắng	
31	TTGS4221	Bùi Trường	Giang	08/09/1996		CN Kiên Giang	CV TTGSNH			Vắng	
32	TTGS4223	Nguyễn Ngọc	Hân		09/12/1992	CN Kiên Giang	CV TTGSNH			Vắng	
33	TTGS4224	Lê Thị Mỹ	Hằng		04/07/1991	CN Kiên Giang	CV TTGSNH			Vắng	
34	TTGS4228	Đỗ Ngọc	Hồng		07/06/1991	CN Kiên Giang	CV TTGSNH			Vắng	
35	TTGS4229	Cao Ngọc	Hương		15/04/1996	CN Kiên Giang	CV TTGSNH			Vắng	
36	TTGS4234	Nguyễn Công	Khanh	19/04/2001		CN Kiên Giang	CV TTGSNH			Vắng	
37	TTGS4236	Nguyễn Kim	Khôi	13/08/1991		CN Kiên Giang	CV TTGSNH			Vắng	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Ghi chú
								Kiến thức chung	Tiếng Anh		
38	TTGS4237	Huỳnh Thị Yến	Linh		22/09/1993	CN Kiên Giang	CV TTGSNH			Vắng	
39	TTGS4239	Phan Trần Ánh	Minh		20/02/1994	CN Kiên Giang	CV TTGSNH			Vắng	
40	TTGS4250	Trần Chính	Tam	03/02/1985		CN Kiên Giang	CV TTGSNH			Vắng	
41	TTGS4252	Lê Thị Phương	Thảo		06/06/1996	CN Kiên Giang	CV TTGSNH			Vắng	
42	TTGS4253	Lưu Mỹ	Trần		24/11/1993	CN Kiên Giang	CV TTGSNH			Vắng	
NHNN CHI NHÁNH SỐC TRẮNG: 01 chỉ tiêu CV TTGSNH											
Bàn phỏng vấn 1 - Từ 15h00 Thứ Bảy, ngày 06/01/2024											
1	TTGS4257	Đặng Thị Thùy	Dung		03-4-2000	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH	34/60	15/30	Đạt	
2	TTGS4259	Dương Ngọc	Hân		24-11-2000	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH	35/60	24/30	Đạt	
3	TTGS4262	Nguyễn Thị Ngọc	Minh		20-8-1988	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH	31/60	27/30	Đạt	
4	TTGS4264	Nguyễn Lê Kim	Ngân		29-10-1999	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH	37/60	16/30	Đạt	
5	TTGS4267	Ngô Như	Ngọc		04-7-1989	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH	33/60	23/30	Đạt	
6	TTGS4269	Trần Vương Yến	Nhi		18-9-2000	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH	31/60	23/30	Đạt	
7	TTGS4271	Mã Ngọc	Phương		13-10-1998	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH	30/60	19/30	Đạt	
8	TTGS4272	Lâm Sa Ráy	Rot		29-9-1993	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH	33/60	22/30	Đạt	
9	TTGS4274	Nguyễn Phạm Phương	Thảo		08-10-1999	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH	31/60	15/30	Đạt	
10	TTGS4277	Đào Thị Tú	Trần		01-11-1991	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH	43/60	25/30	Đạt	
11	TTGS4278	Trần Thị Thiên	Trang		10-01-1993	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH	37/60	22/30	Đạt	
Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2											
12	TTGS4258	Lâm	Dũng	06-6-2000		CN Sóc Trăng	CV TTGSNH	20/60	15/30	Không đạt	
13	TTGS4260	Phạm Thị Tuyết	Kha		30-4-1992	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH	23/60	20/30	Không đạt	
14	TTGS4263	Ngô Kim	Ngân		04-9-1993	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH	34/60	7/30	Không đạt	
15	TTGS4265	Nhâm Thị Kim	Ngân		16-8-1991	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH	30/60	9/30	Không đạt	
16	TTGS4266	Phan Trọng	Nghĩa	21-6-1999		CN Sóc Trăng	CV TTGSNH	27/60	0/30	Không đạt	
17	TTGS4268	Lục Thanh	Nhạc	10-3-1999		CN Sóc Trăng	CV TTGSNH	28/60	20/30	Không đạt	
18	TTGS4273	Huỳnh Văn	Thăng	13-11-1990		CN Sóc Trăng	CV TTGSNH	27/60	11/30	Không đạt	
19	TTGS4275	Trần Anh	Thư		10-8-2000	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH	19/60	19/30	Không đạt	
20	TTGS4276	Đặng Ngọc	Trần		31-12-2001	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH	29/60	12/30	Không đạt	
21	TTGS4281	Nguyễn Sinh Ngọc	Trình		06-5-1999	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH	27/60	12/30	Không đạt	
22	TTGS4282	Trần Thị Mai	Trình		02-12-1997	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH	26/60	19/30	Không đạt	
23	TTGS4261	Nguyễn Thị Thùy	Linh		30-7-1999	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH			Vắng	
24	TTGS4270	Nguyễn Minh	Như		11-12-1999	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH			Vắng	
25	TTGS4279	Võ Công	Trạng	05-8-1996		CN Sóc Trăng	CV TTGSNH			Vắng	
26	TTGS4280	Nguyễn Minh	Triết	15-6-1992		CN Sóc Trăng	CV TTGSNH			Vắng	